

Bản án số: 57/2024/DS-ST

Ngày: 09 - 7- 2024.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ

Ông Đỗ Huy Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niềm, Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ4

Địa chỉ: Số A P, phường C, Quận P, TP ..

Đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Quốc T – Trưởng phòng phát triển kinh doanh. Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2024 (Có mặt)

Địa chỉ: số A, đường B, phường G, T.p Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949 (Có mặt)

Ông Võ Văn V (chết)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Văn H (Có yêu cầu vắng mặt)

2. Bà Lê Thị C (Có yêu cầu vắng mặt)

3. Ông **Trần Văn Đ** (Có yêu cầu vắng mặt)
4. Bà **Võ Thị Thúy H1** (Có yêu cầu vắng mặt)
5. Ông **Huỳnh Văn K** (Vắng mặt)
6. Chị **Võ Thị T1** (Vắng mặt)
7. Anh **Võ Thanh V1** (Vắng mặt)
8. Anh **Võ Thanh T2** (Vắng mặt)
9. Anh **Võ Thành Đ1** (Vắng mặt)
10. Anh **Võ Bá D** (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**

11. Ông **Nguyễn Văn Đ2** (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông **Đặng Quốc T** trình bày:*

Ông **Võ Văn V**, bà **Nguyễn Thị M** có hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ4** tổng hạn mức cấp tín dụng như sau:

Hợp đồng vay vốn số: N0006/1217 ngày 01/3/2017. Số tiền vay: 230.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư cải tạo sản xuất nông nghiệp (SXNN), sửa chữa chuồng trại chăn nuôi, mua tài sản cố định phục vụ nông nghiệp nông thôn (NNNT). Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 01/3/2017 đến 01/3/2022. Lãi suất cho vay trọng hạn 12%/năm. Lãi suất quá hạn áp dụng là 18%/năm (bao gồm 150% lãi suất trong hạn). Biện pháp bảo đảm vay nợ: Ông **Võ Văn V** – Bà **Nguyễn Thị M** thế chấp cho **ngân hàng TMCP Đ4** tài sản là bất động sản gồm: nhà ở và 32.425m² QSDĐ tại **ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** thuộc thửa đất số 367, 689, 817 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 071180 (số vào sổ cấp GCN:00214 QSD/...) do **UBND huyện T** (nay là **thị xã N**) cấp ngày 24/01/1996; chủ sở hữu/sử dụng là hộ ông **Võ Văn V**; theo hợp đồng thế chấp bất động sản số K0017/TC17 ký ngày 28/02/2017. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn từ ngày nhận nợ đến ngày 19/12/2022, ông **Võ Văn V** – Bà **Nguyễn Thị M** chỉ trả được số tiền như sau:

Vốn gốc: 176.500.000 đồng. **T3** lãi trong hạn: 40.377.964 đồng. **T3** lãi quá hạn: 00 đồng. Tổng cộng: 216.877.964 đồng.

Do ông **Võ Văn V** – Bà **Nguyễn Thị M** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/7/2024 ông **Võ Văn V** – Bà **Nguyễn Thị M** còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Vốn gốc: 53.500.000 đồng. Lãi trong hạn: 51.353.037 đồng. Lãi quá hạn còn phải thanh toán: 42.308.500 đồng. Tổng cộng: 147.161.537 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu:

Buộc bà Nguyễn Thị M và các con ông Võ Văn V trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 09/7/2024 tổng số tiền còn nợ là 147.161.537 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/7/2024 đến ngày các con ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị M trả hết nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay vốn số N0006/1217 ký ngày 01/03/2017.

Trường hợp các con ông Võ Văn V – bà Nguyễn Thị M không trả hết nợ thì yêu cầu kê biên phát mãi tài sản thế chấp cho ngân hàng TMCP Đ4 gồm: diện tích đất 32.425m² QSDĐ tại ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thuộc thửa đất số 367, 689, 817 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 071180 (số vào sổ cấp GCN:00214 QSD/...) do UBND huyện T (nay là thị xã N) cấp ngày 24/01/1996; cho hộ ông Võ Văn V theo hợp đồng thế chấp bất động sản số K0017/TC17 ký ngày 28/02/2017

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M ý kiến trình bày:

Bà và ông Võ Văn V sống chung có 08 người con nhưng đã chết lúc còn nhỏ hết, hiện còn 05 người con: Võ Thị T1, Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thành Đ1, Võ Bá D. Bà thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ngân hàng nhưng hiện nay gia đình khó khăn xin trả cho Ngân hàng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với phần đất hiện nay ông Đ, bà H1 đang quản lý sử dụng thì trước đây vợ chồng bà được vợ chồng ông H, bà L cho ở nhờ, sau này phần đất này bà đã trả lại cho phía gia đình ông H lâu rồi, không còn liên quan gì nữa. Đối với phần ông K đang quản lý sử dụng thì phần đất này trước đây bà cho ông Q không nhớ rõ họ tên, sau này ông Q bán lại cho ông K và hiện nay ông K đang quản lý sử dụng, bà thống nhất để ông K tiếp tục sử dụng. Đối với phần đất ông Đ2 sử dụng là do bà cố cho ông Đ2 nay bà cũng thống nhất để cho ông Đ2 tiếp tục sử dụng phần đất này, nếu ngân hàng phát mãi phần đất này thì bà sẽ trả lại tiền có đất cho ông Đ2.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn K ý kiến trình bày:

Phần đất tôi đang quản lý sử dụng là do tôi mua lại của ông Q do trước đó ông Q mua lại của ông V, bà M 02 công tầm cây khoảng năm 2014 diện tích là 7.505m² trong đó có luôn phần 2.600m² của bà M và ông V mua với giá 40.000.000 đồng/công. Phần đất này tôi đang quản lý, sử dụng. Tôi không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày:

Phần đất tôi đang quản lý sử dụng là do cha vợ tôi cho tôi trên 20 năm nhưng chưa đi làm thủ tục cấp giấy. Tôi được biết phần đất này ông **V** đứng tên và đang thế chấp ngân hàng. Tôi ý kiến trong hạn 10 ngày tôi có yêu cầu công nhận phần đất này thì tôi sẽ làm thủ tục, sau thời hạn này tôi không làm thủ tục thì xem như tôi không yêu cầu. Bà **Võ Thị Thúy H1** vợ tôi đang đi làm công ty. Vợ tôi cũng thống nhất ý kiến như tôi trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa liên quan bà **Võ Thị Thúy H1** trình bày:

Tôi là con ruột của ông **H**, bà **C**. Ông **Đ** là chồng tôi, ông **V** là chú ruột, bà **M** là thêm dâu của tôi. Vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vợ chồng tôi vì phần đất này của cha mẹ tôi cho tôi ở thì tôi ở, quyền quyết định là của cha mẹ tôi, tôi không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa liên quan ông **Võ Thanh H2** trình bày:

Phần đất này là của cha mẹ tôi cho tôi trên 40 năm và sử dụng ổn định cho đến nay, lúc còn sống thì cha mẹ đã chia phần cho các anh em, trong đó tôi nhận và sử dụng phần đất này sau đó cho con gái và con rể là **Võ Thị Thúy H1** và **Trần Văn Đ**, không rõ lý do gì ông **V** được cấp bằng khoán phần đất này. Tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này để nội bộ tự thỏa thuận và vì hiện nay ông **V** còn đất nhiều dư trả nợ cho ngân hàng nên không ảnh hưởng gì đến phần đất mà cha mẹ cho tôi, tôi cho ông **V** mượn cất nhà và trồng lúa.

Bà **Lê Thị C** thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông **H2**

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn Đ2** ý kiến trình bày:

Phần đất này là của ông **V**, bà **M** có cho ông **T4** đến hạn chuộc không có tiền chuộc nên tôi bỏ tiền ra chuộc nên tôi sử dụng phần đất này khi nào bà **M** trả tiền thì tôi giao đất lại nên tôi không có yêu cầu độc lập. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi do tôi bận nhiều việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay có mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn bà **Nguyễn Thị M**. Ông **Võ Thanh H2**, ông **Trần Văn Đ**, bà **Võ Thị Thúy H1**, bà **Lê Thị C**, ông **Nguyễn Văn Đ2** có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Còn lại ông **Huỳnh Văn K**, **Võ Thị T1**, **Võ Thanh V1**, **Võ Thanh T2**, **Võ Bá D** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông

Võ Thanh H2, ông Trần Văn Đ, bà Võ Thị Thúy H1, bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn Đ2, Huỳnh Văn K, Võ Thị T1, Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Bá D.

- Về nội dung vụ án:

[2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số K.0018/NT17 ngày 28/02/2017; hợp đồng vay vốn số: N0006/1217 ngày 01/3/2017 và giấy nhận nợ ngày 01/3/2017. Ngân hàng TMCP Đ4 cho ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị M vay số tiền: 230.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư cải tạo sản xuất SXNN, sửa chữa chuồng trại chăn nuôi, mua tài sản cố định phục vụ NNNT. Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 01/3/2017 đến 01/3/2022. Lãi suất cho vay trọng hạn 12%/năm. Lãi suất quá hạn áp dụng là 18%/năm (bao gồm 150% lãi suất trong hạn). Sau khi nhận tiền, trong quá trình vay vốn ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó ngày 02/3/2019 Ngân hàng TMCP Đ4 chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến nay. Do ông Võ Văn V đã chết, nay ngân hàng yêu cầu các con ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho ngân hàng TMCP Đ4 tổng số tiền còn nợ là 147.161.537 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/7/2024 đến ngày các con ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị M trả hết nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay vốn số N0006/1217 ký ngày 01/03/2017.

Xét thấy, ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận ký kết hợp đồng và nhận số tiền vay 230.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Đ4 là có xảy ra trên thực tế, sau khi vay lại không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP Đ4 theo như thỏa thuận về phương thức trả nợ mà hai bên đã ký kết do hiện tại ông Võ Văn V đã chết nên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu các con ông V và bà Nguyễn Thị M cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị M cũng thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của Ngân hàng nhưng bà cho rằng do điều kiện hiện tại khó khăn về kinh tế, nguồn tiền vay trước đây đem về bà cũng lo trị bệnh cho ông V, do ông V bị bệnh nhiều tốn nhiều tiền nên không có khả năng trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận, nay bà xin trả dần phần tiền theo yêu cầu của Ngân hàng, trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét việc thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu trả nợ của nguyên đơn thì bị đơn bà Nguyễn Thị M cũng thừa nhận nên đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh. Sau khi ký kết hợp đồng và nhận tiền từ ngân hàng P ông V, bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP Đ4 theo như thỏa thuận về phương thức trả nợ mà hai bên đã ký kết nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở. Do hiện tại ông Võ Văn V đã chết nhưng việc bà M, ông V vay tiền là để lo chi phí điều trị bệnh cho ông V, cũng như để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng thể hiện các thửa đất này cấp cho hộ ông Võ Văn V nên căn cứ quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu các con ông V và bà M cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ4 là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N ban hành và Điều 91, 95

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự nghĩ nên chấp nhận. Đối với việc bị đơn bà Nguyễn Thị M xin trả dần số tiền còn nợ ngân hàng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, phía ngân hàng không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Việc thỏa thuận trả dần các bên có thể thương lượng ở giai đoạn thi hành án.

[3] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông Võ Văn V, bà Nguyễn Thị M đã ký kết Hợp đồng thế chấp dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số K0017/TC17 ký ngày 28/02/2017, gồm có các tài sản sau đây: diện tích 32.425m² đất tại ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thuộc thửa đất số 367, 689, 817 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 071180 (số vào sổ cấp GCN:00214 QSD/...) do UBND huyện T (nay là thị xã N) cấp ngày 24/01/1996 cho hộ ông Võ Văn V theo hợp đồng thế chấp bất động sản số K0017/TC17 ký ngày 28/02/2017.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 và Điều 325 của Bộ luật Dân sự 2015, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Theo hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Nên trong trường hợp bên vay không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu kê biên phát mãi tài sản thế chấp là phù hợp.

[4] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang quản lý, sử dụng đất không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về phần thủ tục và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D chịu 7.358.076 đồng (147.161.537 đồng x 5%). Trong đó, bà M chịu 4.292.211 đồng, gồm: [3.679.038 đồng (1/2 của số tiền 7.358.076 đồng + 613.173 đồng (1/6 của số tiền 3.679.038 đồng)]; ông Võ Thanh V1, Võ Việt T5, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D mỗi người chịu 613.173 đồng [1/6 của số tiền 3.679.038 đồng] theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí. Do bà M là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên bà M được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.515.000 đồng theo biên lai thu số 0006575 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

[7] Về chi phí thẩm định: 750.000 đồng Bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do ngân hàng TMCP Đ4 đã tạm nộp số tiền 750.000 đồng nên bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D có trách nhiệm trả lại số tiền 750.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ4.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 74, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 318, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 325, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ4 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D cùng có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ4 số tiền 147.161.537 đồng (trong đó nợ gốc là 53.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 51.353.037 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.308.500 đồng)

Kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T6 thì còn phải chịu lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng vay vốn số N0006/1217 ký ngày 01/03/2017.

Trường hợp bà Nguyễn Thị M, ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ4 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thuộc thửa đất số 367, 689, 817 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 071180 (số vào sổ cấp GCN:00214 QSD/...) do UBND huyện T (nay là thị xã N) cấp ngày 24/01/1996 cho hộ ông Võ Văn V; theo hợp đồng thế chấp bất động sản số K0017/TC17 ký ngày 28/02/2017.

- Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang quản lý sử dụng đất nhưng không có yêu cầu độc lập nêu sau này có phát sinh tranh chấp tách thành vụ án khác giải quyết theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Thanh V1, Võ Thanh T2, Võ Thị T1, Võ Thị Đ3, Võ Bá D mỗi người chịu 613.173 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí. Bà **M** được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ4** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.515.000 đồng theo biên lai thu số 0006575 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Về chi phí thẩm định: 750.000 đồng Bà **Nguyễn Thị M**, ông **Võ Thanh V1**, **Võ Thanh T2**, **Võ Thị T1**, **Võ Thị Đ3**, **Võ Bá D** phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do **ngân hàng TMCP Đ4** đã tạm nộp số tiền 750.000 đồng nên bà **Nguyễn Thị M**, ông **Võ Thanh V1**, **Võ Thanh T2**, **Võ Thị T1**, **Võ Thị Đ3**, **Võ Bá D** có trách nhiệm trả lại số tiền 750.000 đồng cho **Ngân hàng TMCP Đ4**.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh